

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 20/05/2025

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nghi.

2. Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **09/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025** giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Quang C, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện anh C đang chấp hành án tại: Đội 5, phân trại 2, trại giam T. Địa chỉ: Xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Chị H, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn là chị Đặng Thị H trình bày: Chị và anh Trần Quang C có quan hệ

hôn nhân hợp pháp. Đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 07 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Bình Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn sinh sống tại xóm A, xã H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh C chơi bời, không tu chí làm ăn, anh C nhiều lần có hành vi vi phạm pháp luật. Hiện anh C đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam T1. Bản thân chị H đã nhiều lần khuyên giải, bỏ qua, tha thứ cho những lỗi lầm của anh C nhưng anh C vẫn không thay đổi. Vợ chồng mâu thuẫn nhiều năm nay và không có biện pháp khắc phục. Do vậy chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung cháu Trần Gia B sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012 và cháu Trần Bảo C1 sinh ngày 19 tháng 5 năm 2018. Hiện các cháu đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị nhận nuôi cả hai cháu B và Châm, chị không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh C không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 15 tháng 4 năm 2025 bị đơn trong vụ án là anh Trần Quang C trình bày: Anh và chị H có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh C vi phạm pháp luật và nhiều lần phải đi chấp hành án phạt tù, nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh C nhất trí ly hôn và không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh C và chị H có hai con chung cháu Trần Gia B sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012 và cháu Trần Bảo C1 sinh ngày 19 tháng 5 năm 2018. Hiện các cháu đang ở cùng với chị H. Nay ly hôn anh nhất trí để chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh C và chị H không có tài sản chung và công nợ nên nay ly hôn anh C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Con chung của anh C, chị H là cháu Trần Gia B sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012 và cháu Trần Bảo C1 sinh ngày 19 tháng 5 năm 2018, hiện cháu C1 tại biên bản lấy lời khai của các con ngày 23 tháng 4 năm 2025 nguyện vọng cháu B, cháu C1 đều muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị H ly hôn anh Trần Quang C.
- Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung cháu Trần Gia B sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012 và cháu Trần Bảo C1 sinh ngày 19 tháng 5 năm 2018. Anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Chị Đặng Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Quang C có nơi ĐKKHKT tại: Xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện anh C đang chấp hành án tại: Đội 5, phân trại 2, trại giam T. Địa chỉ: Xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Đặng Thị H và vắng mặt bị đơn anh Trần Quang C. Chị H, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Trần Quang C có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 07 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là quan hệ hôn

nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xã H. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, bản thân anh C ham chơi, không chịu khó làm ăn, nhiều lần vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành hình phạt tù giam tại trại giam T1. Cả chị H và anh C đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nay chị H có đơn xin ly hôn anh C cũng nhất trí và thuận tình ly hôn. Đây là những tình tiết, sự kiện của vụ án mà các đương sự thống nhất và không phải chứng minh quy định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh C có hai con chung là cháu Trần Gia B sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012 và cháu Trần Bảo C1 sinh ngày 19 tháng 5 năm 2018. Hiện các cháu đang ở cùng với chị H. Nay ly hôn cả chị H và anh C cùng thống nhất giao cả hai con chung cháu Trần Gia B sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012 và cháu Trần Bảo C1 sinh ngày 19 tháng 5 năm 2018 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn: Tại đơn xin xác nhận lao động ngày 20 tháng 4 năm 2025 chị H giao nộp cho Tòa án thể hiện chị H1 đang có công việc làm nhân viên tư vấn khách hàng tại Công ty TNHH T2 với mức thu nhập ổn định là 12.000.000đ/ tháng. Chị H có mức thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng mà vẫn đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con khi bố mẹ ly hôn đồng thời cũng phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Chị Đặng Thị H và anh Trần Quang C không có tài sản chung và công nợ nên nay ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đặng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Trần Quang C. (Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao hai cháu Trần Gia B sinh ngày 30 tháng 01 năm 2012 và Trần Bảo C1 sinh ngày 19 tháng 5 năm 2018 cho chị Đặng Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Trần Quang C không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và anh chị có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đặng Thị H và anh Trần Quang C không có tài sản chung và công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002004 ngày 06 tháng 03 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã H, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh